

Chư Prông, ngày 28 tháng 11 năm 2019

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2019
VÀ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2020

PHẦN I
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2019

Thực hiện Nghị quyết HĐND huyện kỳ họp thứ Sáu – HĐND huyện khóa XII, nhiệm kỳ 2016-2021; được sự quan tâm chỉ đạo của UBND tỉnh, sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy, sự giám sát của HĐND huyện và sự phối hợp của Mặt trận, các tổ chức đoàn thể, sự nỗ lực của các ngành, các cấp và nhân dân các dân tộc và các doanh nghiệp trên địa bàn; UBND huyện đã chủ động xây dựng các chương trình, kế hoạch và có nhiều giải pháp để chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2019, tranh thủ thuận lợi, khắc phục những khó khăn và cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng; kinh tế tiếp tục duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, văn hóa - xã hội phát triển, thực hiện tốt công tác đảm bảo an sinh xã hội, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Trong các chỉ tiêu chủ yếu mà Nghị quyết HĐND huyện đề ra, phần lớn các chỉ tiêu đều đạt và vượt kế hoạch (có biểu phụ lục 01 kèm theo) thể hiện trên các mặt công tác trọng tâm sau:

I. Lĩnh vực kinh tế:

Tổng giá trị sản xuất trong năm 2019 (theo giá trị so sánh 2010), ước đến 31/12/2019 đạt 6.508,1 tỷ đồng, đạt 100,1% KH (tăng 7,2% so với cùng kỳ), trong đó: Nông, lâm, ngư nghiệp là 3.899,6 tỷ đồng đạt 100,1% KH; ngành công nghiệp xây dựng là 1.136,6 tỷ đồng đạt 100,1% KH; ngành dịch vụ là 1.471,9 tỷ đồng đạt 100,1% KH (có biểu phụ lục 02 kèm theo). Thu nhập bình quân đầu người ước đạt 40 triệu đồng/người/năm. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng, được thể hiện trên các lĩnh vực chủ yếu sau:

1. Nông - lâm nghiệp:

1.1 Trồng trọt: Tổng diện tích gieo trồng trên địa bàn huyện năm 2019 ước đạt 74.248 ha đạt 100,89%KH, tăng 1,14% so với cùng kỳ¹. Tổng sản lượng

¹ Trong đó: Diện tích gieo trồng cây lương thực là 10.190 ha đạt 101,5 %KH, cây tinh bột có củ là 5.863 ha đạt 104,7%KH, cây thực phẩm là 5.069 ha đạt 100,5%KH, cây công nghiệp ngắn ngày là

lượng thực ước đạt 45.221 tấn đạt 106,38%KH, bằng 98,75% so với cùng kỳ, trong đó thóc 18.671 tấn đạt 126,1%KH.

Tập trung triển khai công tác tái canh cà phê, trong năm 2019 đã cấp hỗ trợ 395.950 cây cà phê thực sinh cho các hộ đủ điều kiện tái canh năm 2019 (tương đương 395,95 ha); cấp 5.800 cây cà phê ghép giống TRS1 cho 5 ha của 5 hộ tham gia mô hình tái canh cà phê bằng giống cà phê với áp dụng hệ thống tưới nước tiết kiệm kết hợp với bón phân qua hệ thống tưới thuộc Dự án nông thôn miền núi. Trong năm, trên địa bàn huyện xuất hiện dịch sâu keo mùa thu gây hại trên cây ngô, tổng diện tích ngô bị nhiễm sâu keo mùa thu ở mức độ nhẹ là 256 ha, UBND huyện đã kịp thời chỉ đạo các ngành phối hợp với UBND các xã triển khai các biện pháp phòng trừ, tuy nhiên các diện tích bị gây hại đã bị giảm năng suất từ 3 - 5%.

1.2. Chăn nuôi: Theo số liệu thống kê 01/10/2019, tổng đàn gia súc của huyện là 48.434 con, đạt 100,1% KH, tăng 0,51% so với cùng kỳ². Tuy nhiên, do diễn biến phức tạp của dịch bệnh tả lợn Châu Phi đã gây nhiều khó khăn cho các hộ chăn nuôi trên địa bàn, đến nay đã có 1.054 con lợn bệnh bị tiêu hủy với trọng lượng 56.926 kg³. UBND huyện đã ban hành nhiều văn bản để triển khai chỉ đạo các địa phương triển khai quyết liệt công tác phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn, ban hành Quyết định công bố dịch. Trong đó, tập trung chủ yếu các nhiệm vụ như: Thành lập các chốt kiểm dịch tạm thời tại vùng có ổ dịch và vùng bị uy hiếp; cử cán bộ chuyên môn bám sát địa bàn; tổ chức tiêu hủy lợn bị bệnh; phun hóa chất khử trùng tiêu độc; hỗ trợ kinh phí cho các hộ có lợn bị tiêu hủy... Đến nay, các hộ dân có lợn buộc phải tiêu hủy do mắc bệnh Dịch tả lợn Châu Phi trong đợt 1 đã được hỗ trợ kinh phí 234.496.000 đồng.

1.3. Công tác phòng chống thiên tai tiếp tục được quan tâm chỉ đạo. Trong năm 2019, trên địa bàn huyện xảy ra 04 đợt thiên tai đã gây thiệt hại về nhà cửa, tài sản của người dân và cơ quan nhà nước, ước thiệt hại khoảng 193 triệu đồng.

1.4. Công tác quản lý bảo vệ rừng được các cấp, các ngành tập trung chỉ đạo; thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ, quyết liệt, duy trì các hoạt động kiểm tra, truy quét tại các khu vực trọng điểm, phối hợp xử lý các trường hợp vi phạm. Tính đến 31/10/2019 đã phát hiện 27 vụ vi phạm Luật Quản lý và bảo vệ rừng,

617 ha đạt 70,11%KH, cây hàng năm khác là 290 ha đạt 100%KH, cây công nghiệp dài ngày là 50.505 ha đạt 100,4%KH, cây ăn quả 1.714 ha đạt 120,2%KH.

² Trong đó đàn trâu 387 con, đàn bò 23.905 con, đàn heo trên 24.142 con; gia cầm 168.500 con; sản lượng thủy sản 338 tấn.

³ Đợt 1: Từ ngày 04/6 đến ngày 11/7/2019, bệnh gây hại tại 3 xã (Ia Mơ, Ia Piор và Bình Giả), tổng số lợn đã tiêu hủy là 130 con, trọng lượng 5.032 kg.

Đợt 2: Từ ngày 10/9/2019 đến nay, bệnh gây hại tại 2 xã (Ia Lâu và Ia Piор), tổng số lợn đã tiêu hủy là 924 con, trọng lượng 51.894 kg (tính đến ngày 24/10/2019).

tăng 03 vụ so với cùng kỳ năm 2018⁴. Tuyên truyền vận động nhân dân tự nguyện kê khai diện tích canh tác sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp để chuyển đổi cây trồng phù hợp với mục đích lâm nghiệp và đăng ký trồng rừng; kết quả trong năm 2019 đã trồng được 144,6 ha (đạt 120,5% so với Kế hoạch tỉnh giao). Triển khai công tác kê khai thu hồi đất lâm nghiệp bị lấn chiếm, đến nay đã thực hiện kê khai 484,63 ha diện tích đất lâm nghiệp bị lấn chiếm.

2. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Chư Prông cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, các cấp, các ngành của huyện đã tập trung huy động mọi nguồn lực triển khai chương trình MTQG XDNTM, trong đó xác định những tiêu chí ưu tiên đầu tư để tập trung triển khai; đồng thời yêu cầu các xã đánh giá cụ thể thực trạng từng tiêu chí để trên cơ sở đó tập trung triển khai các tiêu chí sớm có khả năng hoàn thành; làm tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân triển khai những công việc chưa cần có sự đầu tư của nhà nước. Tính đến nay, tổng hợp các tiêu chí đạt được của các xã là 230 tiêu chí/19 xã, bình quân mỗi xã đạt 12,10 tiêu chí⁵, tăng 32 tiêu chí so với năm 2018.

Tập trung công tác xây dựng làng nông thôn mới trong đồng bào DTTS, trong năm 2019 UBND huyện phấn đấu xây dựng 02 làng nông thôn mới đạt chuẩn. Đến nay, thôn Lũng Vân, xã Ia Lâu đạt 14 tiêu chí, thôn 7, xã Thăng Hưng đạt 14 tiêu chí.

Triển khai 19 dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị tại 09 xã với tổng kinh phí 2.222,7 triệu đồng, trong đó: vốn ngân sách trung ương là 1.626 triệu đồng và vốn đóng góp của các hộ dân tham gia sản xuất 596,7 triệu đồng. Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP), đã có 03 sản phẩm được Hội đồng đánh giá sản phẩm OCOP cấp huyện thẩm định là Cao đinh Lăng, Cà phê hạt rang Tuyết Trúc, Tiêu đỗ Tuyết Trúc.

3. Tài nguyên - Môi trường:

Đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước lĩnh vực đất đai, xây dựng và thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2019; lập và thực hiện quy hoạch một số khu dân cư, quy hoạch các chợ nông thôn trên địa bàn. Đẩy mạnh giao đất, cho thuê đất

⁴ Trong đó 04 vụ phá rừng trái pháp luật với tổng diện tích 80,660m², 02 vụ khai thác rừng trái phép, 06 vụ tàng trữ lâm sản trái pháp luật, 15 vụ vận chuyển lâm sản trái pháp luật; tang vật, phương tiện, công cụ gồm: 82,593m³ gỗ tròn, xẻ; 8,148 ster cùi, 05 xe gắn máy độ chế, 01 xe ba bánh, 08 xe ô tô, 01 cưa xăng. Tổng thu nộp ngân sách Nhà nước: 761.285.531 đồng, trong đó thu tiền phạt VPHC: 352.185.531 đồng; tiền bán tang vật, phương tiện tịch thu: 409.100.000 đồng.

⁵ Đến nay có 06 xã đạt 19 tiêu chí (Ia Phìn, Ia Băng, Ia Drang, Bàu Cạn, Ia Boòng, Thăng Hưng); 01 xã đạt 14 tiêu chí (Ia Lâu); 01 xã đạt 11 tiêu chí (Bình Giáo); 01 xã đạt 10 tiêu chí (Ia Pia); 04 xã đạt 9 tiêu chí (Ia Kly, Ia Piơr, Ia Tôr, Ia Mơ); 03 xã đạt 8 tiêu chí (Ia Me, Ia Vê, Ia Ga); 03 xã đạt 7 tiêu chí (Ia Bang, Ia O, Ia Púch).

thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất góp phần tăng thu ngân sách địa phương. Lập thủ tục đề nghị các cấp có thẩm quyền thu hồi một phần diện tích cao su tái canh của các doanh nghiệp phục vụ công tác quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội và thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới. Hoàn thiện thủ tục đề nghị UBND tỉnh thu hồi 275,48 ha của Công ty TNHH MTV cao su Chu Prông giao về cho địa phương quản lý.

Trong năm ngành Tài nguyên – Môi trường đã tiên hành tiếp nhận, thụ lý giải quyết hồ sơ đất đai theo kế hoạch⁶; đến nay toàn huyện đã cấp được 39.700 giấy chứng nhận QSDĐ với tổng diện tích 36.222,99 ha, đạt 92,87% diện tích cần cấp, tăng 0,11% so với cùng kỳ. Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, trong đó tăng cường quản lý hoạt động xả thải của các nhà máy, các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Trong năm đã xác nhận cam kết bảo vệ môi trường 34 Kế hoạch BVMT cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

4. Giao thông, Thương mại - Dịch vụ:

Thực hiện nghiêm quy chế quản lý đô thị; tập trung chỉ đạo công tác quản lý hành lang an toàn giao thông, kiểm tra, chống lấn chiếm và xây dựng trái phép, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, nhất là trên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, đường đô thị. Dịch vụ vận tải trên địa bàn phát triển mạnh, đáp ứng và phục vụ tốt nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân nhất là trong các dịp lễ, tết⁷.

Trên địa bàn huyện hiện có 07 chợ dân sinh, 03 trung tâm mua sắm và siêu thị tổng hợp, hàng trăm đại lý, cửa hàng tạp hóa bán lẻ, 10 nhà hàng tổ chức ăn uống, tổ chức tiệc cưới ở các xã, thị trấn... Ngoài ra còn có các loại hình dịch vụ vui chơi giải trí lành mạnh, góp phần đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng của các thành phần kinh tế và các ngành trong năm là 2.012 tỷ đồng, đạt 100,1% KH, tăng 7,1% so với cùng kỳ.

5. Công nghiệp - Xây dựng; đèn bù GPMB:

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ngày càng phát triển về số lượng và quy mô sản xuất, cơ bản đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu dùng cũng như tiêu thụ sản

⁶ Trong năm 2019 đã cấp mới 462 giấy chứng nhận QSDĐ cho 3876 hồ sơ với diện tích 2.516.534,7 m²; lập 76 hồ sơ chuyên mục đích sử dụng đất với diện tích 11.230,1 m²; lập 1.494 hồ sơ chuyên nhượng, tặng cho QSDĐ và tài sản gắn liền với đất với diện tích 6.338.738,17 m²; lập 324 hồ sơ cấp đổi lại giấy chứng nhận QSDĐ với diện tích 2.283.591,32 m²; lập 101 hồ sơ đăng ký biến động với tổng diện tích 984.884,4 m²; lập 23 hồ sơ tách thửa và hợp thửa với diện tích 224.284 m²; thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ của 14 trường hợp với diện tích 23.902,7 m²; đề nghị UBND tỉnh cho thuê 01 trường hợp với diện tích đất 1.500 m² đất phi nông nghiệp; đính chính giấy chứng nhận QSDĐ cho 1.319 trường hợp; xác nhận thế chấp cho 2.612 hồ sơ, xóa thế chấp 2.782 hồ sơ.

⁷ Uớc đến 31/12/2019, khối lượng hàng hóa vận chuyển là 649 ngàn tấn đạt 100,62%KH; khối lượng luân chuyển hàng hóa là 73.337 ngàn T.km đạt 100,62%KH; khối lượng vận chuyển hành khách đạt 1.075 ngàn HK đạt 100,94%KH; khối lượng luân chuyển hành khách đạt 194.414 ngàn HK.km đạt 100,43%KH.

phẩm của nhân dân. Một số sản phẩm chủ yếu như xay xát lương thực 26.620 tấn đạt 102%KH; đá xây dựng 184.400 m³ đạt 100%KH; điện sản xuất 56,380 triệu kw/h đạt 100%KH; phân vi sinh 16.830 tấn đạt 115,27%KH.

Kế hoạch vốn đầu tư cho các công trình XDCB theo kế hoạch đầu năm 2019 do huyện quản lý đầu tư là 120,905 tỷ đồng. UBND huyện bố trí vốn cho 105 công trình, dự án, trong đó: 12 công trình chuyển tiếp 41,189 tỷ đồng; 92 công trình khởi công mới 60,716 tỷ đồng; thanh toán tạm ứng cho 01 công trình 3 tỷ đồng. Ước đến 31/12/2019, tổng giá trị khôi lượng thực hiện, khôi lượng giải ngân đạt 100%KH.

Công tác đền bù GPMB được triển khai theo đúng tiến độ, tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị, các chủ đầu tư trong công tác giải phóng mặt bằng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Trong năm đã thực hiện đền bù cho 04 công trình, trong đó 03 công trình chuyển tiếp, 01 công trình mới (*Công trình Đường liên huyện Chu Păh – Ia Grai – Đức Cơ – Chu Prông; công trình Thủy lợi hồ chứa nước Ia Mơ - giai đoạn 2; công trình Thủy lợi Ia Puch; công trình Nhà văn hóa Tổ dân phố 3*) với tổng kinh phí giải ngân là 7,79 tỷ đồng cho 60 hộ dân và 03 doanh nghiệp.

6. Tài chính - ngân hàng:

UBND huyện đã tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác quản lý nhà nước về ngân sách, đẩy mạnh triển khai các nguồn thu trên địa bàn, gắn khai thác với nuôi dưỡng nguồn thu. Ước tổng thu ngân sách huyện đến 31/12/2019 là 90 tỷ đồng đạt 144,8% dự toán tỉnh giao, đạt 124,7% Nghị quyết HĐND huyện giao và tăng 4,73% so với cùng kỳ. Trong đó thu cân đối 81 tỷ đồng đạt 151,9% dự toán tỉnh giao và đạt 127,9% Nghị quyết HĐND huyện giao.

Công tác chi ngân sách đảm bảo đúng tiến độ, thực hiện chi tiêu ngân sách hiệu quả, tiết kiệm, đúng theo quy định Luật ngân sách. Ước tổng chi ngân sách huyện đến 31/12/2019 là 553,761 tỷ đồng đạt 110,66% dự toán tỉnh giao và 108,49% dự toán Nghị quyết HĐND huyện giao, tăng 8,49% so với cùng kỳ. Trong đó chi thường xuyên ước đạt 465,261 tỷ đồng đạt 103,14%KH; chi đầu tư phát triển 78,3 tỷ đồng đạt 199,24% dự toán tỉnh giao và 158,82% dự toán Nghị quyết HĐND huyện giao.

Chất lượng hoạt động của các Ngân hàng được nâng cao, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận nguồn vốn vay để đầu tư sản xuất kinh doanh. Tổng nguồn vốn huy động trong năm là 900,9 tỷ đồng, tăng 14,8% so với cùng kỳ và tổng dư nợ là 2.388,8 tỷ đồng, bằng 98,5% so với cùng kỳ; tỷ lệ nợ xấu 3,2%.

7. Công tác xúc tiến đầu tư:

Công tác xúc tiến đầu tư tiếp tục được quan tâm, đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính trong việc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trong năm đã cấp mới 260 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (tăng 6,1% so với cùng kỳ) với số vốn 76,015 tỷ đồng; cấp đổi, cấp lại 94 hồ sơ. Hiện nay trên địa bàn có 139 doanh nghiệp, 16 hợp tác xã, 2.781 hộ kinh doanh thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Về cơ bản các hộ kinh doanh, doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, thực hiện đúng chính sách, pháp luật nhà nước, tổ chức giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho lao động tại địa phương.

II. Lĩnh vực Văn hoá - Xã hội:

1. Giáo dục- Đào tạo:

Ngành giáo dục tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Dạy tốt, học tốt”, thực hiện tốt Cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và phong trào thi đua “xây dựng trường, lớp xanh – sạch – đẹp – an toàn”; ổn định nền nếp dạy và học, duy trì sĩ số học sinh. Tổ chức tổng kết năm học 2018-2019, đồng thời triển khai nhiệm vụ năm học mới 2019-2020⁸. Tổ chức kiểm tra công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia, ước đến cuối năm 2019, toàn ngành giáo dục huyện có 20 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 30,7%. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục và dạy học. Tập trung chỉ đạo công tác rà soát hệ thống trường, lớp học để bố trí, sắp xếp đội ngũ giáo viên.

2. Y tế, dân số:

Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được chú trọng. Trong năm có 110.010 lượt bệnh nhân đến khám và điều trị tại các cơ sở y tế trong toàn huyện, trong đó tại Trung tâm Y tế là 42.102 bệnh nhân, tại các Trạm y tế xã là 66.908 bệnh nhân, đến nay đã có 14/19 trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về y tế, đạt tỷ lệ 73,68%. Công tác phòng, chống dịch bệnh tiếp tục được tăng cường, đặc biệt là dịch bệnh sốt xuất huyết, đến ngày 21/10/2019 trên toàn huyện có 718 bệnh nhân sốt xuất huyết tăng 120% so với cùng kỳ năm 2018. Công tác quản lý VSATTP được quan tâm, đã tiến hành kiểm tra 514 cơ sở trong đó đã nhắc nhở 87 cơ sở, xử

⁸ Kết quả năm học 2018-2019 học sinh khối THCS học lực đạt loại khá - giỏi là 37,7% (tăng 0,1% so với năm học trước), hạnh kiểm khá – tốt đạt 88,1% (tăng 1,3% so với năm học trước); xét tốt nghiệp THCS đạt 99%, BT THCS 100%; tỷ lệ duy trì sĩ số đạt 99%; tỷ lệ huy động trẻ đi học đúng độ tuổi tăng so với cùng kỳ, cụ thể trẻ 5 tuổi đạt 99,93%, trẻ 6 tuổi đạt 100%; bậc tiểu học 92%, bậc THCS đạt 97,6%; Tỷ lệ tốt nghiệp THPT trên địa bàn huyện năm 2019 đạt 92,4%.

Năm học 2019-2020 toàn huyện có 65 trường học (trong đó Mầm non + Mẫu giáo 21 trường; tiểu học 20 trường, THCS 21 trường; THPT 03 trường) với 31.313 học sinh (Trong đó: Mầm non, mẫu giáo 6.146 cháu; Tiểu học 14.338 học sinh; THCS 8.308 học sinh; THPT 2.521 học sinh), đạt 100,8% KH.

phạt vi phạm hành chính đối với 02 cơ sở với số tiền 13.500.000 đồng. Công tác quản lý hoạt động của các cơ sở hành nghề y, được tư nhân được thực hiện theo đúng quy định. Hiện nay trên địa bàn huyện có có 78 cơ sở hành nghề được và 06 cơ sở hành nghề y tư nhân trong đó có 04 cơ sở có giấy phép hoạt động, 78 cơ sở được cấp giấy chứng nhận “thực hành tốt phân phối thuốc - GPP”.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt các biện pháp kế hoạch hóa gia đình. Các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế tiếp tục được duy trì có hiệu quả; triển khai các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản đến vùng sâu, vùng xa. Ước tính đến thời điểm 31/12/2019, tổng số hộ trên địa bàn là 29.947 hộ với 130.116 người (dân số trung bình) đạt 99,7% KH tăng 1,59% so với cùng kỳ. Tỷ lệ dân số tăng tự nhiên đạt 1,25%.

3. Văn hoá – Thông tin - Thể thao; Truyền thanh - Truyền hình:

Các hoạt động văn hoá, thể thao chào mừng các ngày lễ trong năm được thực hiện thường xuyên. Đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia luyện tập thể dục, thể thao; thực hiện công tác xã hội hóa trong hoạt động thể dục, thể thao, kêu gọi, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực thể thao, đến nay hệ thống cơ sở vật chất đã được phân bổ đều khắp ở hầu hết các xã, thị trấn với 40 sân bóng đá, 22 sân bóng đá mini, 163 sân bóng chuyền, 02 sân tennis, 02 bể bơi (*kích thước 25m*). Quan tâm phát triển du lịch gắn với các địa điểm di tích lịch sử, địa danh, thắng cảnh trên địa bàn, đặc biệt đã tổ chức thành công Ngày hội “Hoa Muồng Vàng” năm 2019⁹.

Công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ chính trị của địa phương được triển khai tốt. Công tác truyền thanh – truyền hình được duy trì với số lượng chương trình thực hiện là 122 chương trình, với 481 tin, 156 bài; số giờ truyền thanh FM là 18.220 giờ, số giờ truyền hình là 17.560 giờ. Quản lý, vận hành tốt trang Web của huyện, thường xuyên cập nhật thông tin. Trong năm Ban Biên tập đã duyệt và đăng trên trang thông tin điện tử của huyện 208 tin, bài, văn bản thông tin, tuyên truyền....

4. Công tác Lao động – Thương binh và Xã hội; nhân đạo từ thiện:

Tập trung triển khai thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo, giải quyết việc làm. Theo kết quả điều tra cuối năm 2019, toàn huyện còn 2.064 hộ nghèo, chiếm 6,89% (giảm 2,23% so với năm 2018). Mở 09 lớp dạy nghề cho lao động nông thôn với 274 học viên đạt 119%KH; phối hợp với các đơn vị tổ chức đưa 07 người đi xuất khẩu lao động. Các hoạt động trợ giúp xã hội, bảo vệ chăm sóc trẻ em, phòng, chống tệ nạn xã hội được triển khai tích cực, đúng quy định. Hiện nay

⁹ Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, ẩm thực và quảng bá du lịch diễn ra tại Ngày hội đảm bảo an toàn, đạt được mục đích, yêu cầu đề ra; tạo ấn tượng trong lòng Nhân dân và du khách; qua 02 ngày tổ chức Ngày hội đã thu hút trên 20 ngàn lượt người tham dự.

trên địa bàn huyện có 1.630 đối tượng Bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp hàng tháng tại cộng đồng với tổng kinh phí chi trả trên 700 triệu đồng/tháng và 1.852 đối tượng người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng với tổng kinh phí chi trả gần 3,5 tỷ đồng/tháng. Thường xuyên quan tâm và chăm lo đời sống các gia đình chính sách, người có công với cách mạng đặc biệt là trong dịp Tết Nguyên đán, ngày Thương binh - liệt sĩ 27/7¹⁰. Thực hiện hỗ trợ nhà ở cho các gia đình người có công với cách mạng trên địa bàn huyện từ nguồn kinh phí tài trợ của Ngân hàng BIDV chi nhánh Gia Lai, với tổng kinh phí 500 triệu đồng.

Tập trung chỉ đạo công tác BHYT, hướng tới thực hiện BHYT toàn dân. Trong năm số đối tượng tham gia BHYT là 103.356 người, đạt 99,8% kế hoạch tinh giao, giảm 0,6% so với cùng kỳ năm 2018. Tỷ lệ người dân có thẻ BHYT 109.253/123.095 chiếm 88,75% dân số trên toàn huyện.

Chỉ đạo thực hiện tốt các phong trào nhân đạo, từ thiện. Trong năm các cấp, các ngành đã tích cực vận động các tổ chức, cá nhân tham gia các phong trào nhân đạo trên địa bàn như: Phong trào “Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam”, Cuộc vận động “Mỗi tổ chức, mỗi cá nhân gắn với một địa chỉ nhân đạo”. Kết quả đã vận động và tiếp nhận các nguồn ủng hộ để triển khai công tác nhân đạo, từ thiện trên địa bàn huyện với tổng trị giá 4.161.824.000 đồng.

5. Công tác Dân tộc, tôn giáo:

* **Công tác dân tộc:** Trên địa bàn hiện có 12.988 hộ dân tộc thiểu số thuộc 21 thành phần dân tộc, chiếm 48,61% dân số toàn huyện. Trong năm các ngành chuyên môn đã thực hiện tốt chính sách dân tộc trên địa bàn, triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất trong vùng đồng bào DTTS¹¹. Mở 04 lớp tập huấn nâng cao năng lực cộng đồng cho 237 học viên. Rà soát đối tượng thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Kết quả rà soát: Tổng số có 1.593 hộ cần hỗ trợ, với tổng số nguồn vốn là 12.743,3 triệu đồng (*đến nay đã giải ngân cho vay 305 triệu đồng, 15 hộ được vay vốn; các nội dung khác đang chờ nguồn vốn của Trung ương*). Thực hiện đầy đủ các chính sách cho người có uy tín theo

¹⁰ Tổ chức đoàn thăm chúc tết tặng quà của Trung ương, của tỉnh, của huyện với tổng kinh phí đã cấp và hỗ trợ là 3.253.300.000 đồng (trong đó: kinh phí của Trung ương: 326.400.000 đồng; kinh phí của tỉnh 1.922.000.000 đồng; kinh phí của huyện 1.004.900.000 đồng), ngoài ra các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài huyện tham gia hỗ trợ quà tết cho các đối tượng hộ nghèo, người có công với cách mạng, bảo trợ xã hội... với tổng kinh phí 1.677.874.000 đồng.

Cấp 46.725 kg gạo cứu đói của Chính phủ cho 861 hộ/3.115 khẩu bị thiếu đói trong dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi 2019 và 42.870 kg gạo cứu đói trong thời gian giáp hạt 2019. Hoàn thành việc chi trả trợ cấp hành tháng cho các đối tượng theo đúng quy định; tổ chức đưa đón người có công đi điều dưỡng ngoài tỉnh. Cấp 14.444 thẻ BHYT cho các đối tượng là người nghèo, người cận nghèo, Bảo trợ xã hội, người già từ 80 tuổi trở lên, người có công với cách mạng.

¹¹ Trong năm 2019 đã triển khai cấp 40.012,94 kg phân bón; 172 con bò giống; 301.575 kg muối. Cấp 46.009 thẻ BHYT cho người DTTS thuộc các xã vùng II, III, người kinh sống vùng ĐBKK.

Quyết định 12/2018/QĐ-TTg, tổ chức hội nghị gặp mặt cung cấp thông tin cho 105 người có uy tín trong đồng bào DTTS. Triển khai thực hiện đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số” trên địa bàn huyện năm 2019. Tổ chức thành công Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số huyện Chư Prông lần thứ III năm 2019 với hơn 200 đại biểu tham dự.

* **Công tác tôn giáo:** Hiện nay trên địa bàn huyện có 04 tôn giáo đang hoạt động (Công giáo, Phật giáo, Tin lành, Cao đài) với 21.882 tín đồ, chiếm khoảng 17% dân số toàn huyện, sinh hoạt tại các cơ sở thờ tự trên địa bàn 18/20 xã, thị trấn. UBND huyện, các ban, ngành, đơn vị... luôn tạo mọi điều kiện để các cơ sở tôn giáo hoạt động đúng pháp luật, phù hợp với phong tục, tập quán truyền thống. Trên cơ sở đó, đã giải quyết kịp thời các nhu cầu chính đáng của các tổ chức tôn giáo và quần chúng có đạo như: nhu cầu sinh hoạt tôn giáo, tổ chức các ngày lễ trọng, phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm chức sắc, xây dựng, sửa chữa nâng cấp cơ sở thờ tự...; tiếp nhận và giải quyết kịp thời các đơn thư, khiếu nại của các tổ chức tôn giáo, đảm bảo và tạo điều kiện cho các chức sắc tôn giáo, tín đồ và quần chúng có đạo được sinh hoạt tôn giáo bình thường theo Hiến chương, Điều lệ của tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận và đúng quy định của Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo năm 2016. Đồng thời chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để mê hoặc, chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc hoặc lợi dụng hoạt động tôn giáo gây mất trật tự an toàn xã hội, tồn hại đến an ninh quốc gia. Tổ chức thăm, chúc mừng các cơ sở thờ tự tôn giáo trong các dịp lễ, Tết. Triển khai tốt công tác tổ chức, quản lý trong dịp lễ Phục sinh năm 2019 và Đại lễ Phật đản, Lễ Noel năm 2019.

III. Lĩnh vực nội chính:

1. Tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội:

Về an ninh chính trị: Năm 2019, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn huyện cơ bản ổn định, song các thế lực thù địch tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động chống phá, bọn phản động Fulro lưu vong thường xuyên chỉ đạo các đối tượng cốt cán bên trong nội địa tổ chức nhóm họp “tin lành Đêga” nhằm lôi kéo, tập hợp lực lượng, thành lập khung chính quyền ngầm. Các lực lượng chức năng đã duy trì bám địa bàn và phối hợp với chính quyền cơ sở thực hiện các biện pháp phòng chống trốn, vượt biên, xâm nhập trái phép; triển khai các biện pháp kiểm soát tình hình an ninh chính trị, an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo, an ninh biên giới, tình hình người nước ngoài đến địa bàn. Trong năm 2019 địa bàn huyện không có trường hợp nào vượt biên. Công tác quản lý, giáo dục số đối tượng cốt cán FULRO, TLĐG, số tù mãn hạn, đặc xá, các đối tượng đưa đi cơ sở giáo dục, số đối tượng có lịch sử trốn đi nước ngoài tiếp tục được tăng cường và thực hiện tốt.

Về trật tự an toàn xã hội: Công tác đảm bảo trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tiếp tục được duy trì và triển khai hiệu quả. Kết quả, hoạt động của các loại tội phạm đã được kéo giảm so với năm 2018. Từ ngày 01/01/2019 đến 30/10/2019 trên địa bàn huyện xảy ra 37 vụ vi phạm pháp luật về trật tự xã hội¹², giảm 32 vụ so với năm 2018, hậu quả do tội phạm gây ra làm chết 02 người, bị thương 11 người, thiệt hại về tài sản ước tính 781.000.000 đồng. Kết quả công tác điều tra, khám phá các vụ án hình sự đạt tỷ lệ 89,19%. Phát hiện và bắt giữ 03 vụ mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy, tang vật thu giữ gồm 03 gói heroin, 07 gói ma túy đá; 03 vụ tàng trữ, buôn bán hàng cấm (thuốc lá và pháo nổ).

Về trật tự an toàn giao thông: Tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác đảm bảo an toàn giao thông, xử lý tình trạng lấn chiếm hành lang an toàn đường bộ, đặc biệt trên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, đường đô thị. Công tác tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm an toàn giao thông được triển khai quyết liệt¹³, tập trung các tuyến đường, địa bàn trọng điểm. Tuy nhiên tình hình trật tự an toàn giao thông vẫn có chiều hướng diễn biến phức tạp, đặc biệt là trên các tuyến quốc lộ qua địa bàn huyện. Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/10/2019 trên địa bàn huyện xảy ra 23 vụ tai nạn giao thông, hậu quả làm chết 17 người, bị thương 23 người (giảm 09 vụ, giảm 09 người chết, tăng 03 người bị thương so với năm 2018), thiệt hại về tài sản khoảng 650 triệu đồng.

Tai nạn, tệ nạn khác: Tai nạn, tệ nạn khác: Xảy ra 05 vụ đuối nước làm 05 người chết; 05 vụ tự tử làm 05 người chết; 02 vụ nổ mìn làm 01 người chết, 01 người bị thương; 01 vụ tai nạn lao động làm 01 người chết; 05 vụ cháy gây thiệt hại về tài sản ước tính khoảng 1,1 tỷ đồng.

2. Công tác quốc phòng, quân sự địa phương:

Tình hình Campuchia có những diễn biến khó lường đã tác động trực tiếp đến nhiệm vụ quốc phòng – quân sự địa phương. Các lực lượng duy trì nghiêm kỷ luật quân đội, chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, tổ chức tuần tra canh gác bảo vệ, nắm chắc tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tăng cường sự phối hợp giữa lực lượng vũ trang của huyện với các lực lượng trên địa bàn và 03 Đồn biên phòng trong công tác tuần tra, kiểm soát nội địa và biên giới, gắn với công tác quản lý bảo vệ rừng, bảo vệ cột mốc biên giới và công tác đối ngoại; đẩy mạnh công tác phòng, chống trốn, vượt biên, chống xâm nhập trái phép, nhất là

¹² Giết người 01 vụ; cố ý gây thương tích 10 vụ; hiếp dâm 02 vụ; hiếp dâm người dưới 16 tuổi 01 vụ; giao cấu trẻ em 01 vụ; cướp tài sản 01 vụ; cướp giật tài sản 02 vụ; trộm cắp tài sản 10 vụ; hủy hoại tài sản 01 vụ; lừa đảo chiếm đoạt tài sản 06 vụ; làm chết người trong khi thi hành công vụ 01 vụ; tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ 01 vụ.

¹³ Trong năm lực lượng công an huyện đã phát hiện và lập biên bản, ra quyết định xử lý vi phạm hành chính 1.992 trường hợp vi phạm Luật giao thông đường bộ, với số tiền phạt 1.067.930.000 đồng; tổ tự quản ATGT các xã, thị trấn, xử phạt 718 trường hợp vi phạm với số tiền 142.510.000 đồng.

các địa bàn trọng điểm. Chú trọng công tác xây dựng lực lượng, tổ chức huấn luyện lực lượng đảm bảo theo đúng kế hoạch. Tổ chức chỉ đạo diễn tập chiến đấu phòng thủ cho 05 đơn vị cấp xã (*kết quả đạt loại giỏi 01 đơn vị, khá 04 đơn vị*); tổ chức thành công diễn tập khu vực phòng thủ huyện Chu Prông GL-19, đạt loại giỏi. Công tác giáo dục quốc phòng - an ninh được quan tâm thực hiện, tổ chức bồi dưỡng kiến thức QP-AN các đối tượng: đối tượng 2 cho 03 đ/c; đối tượng 3 cho 66 đ/c; đối tượng 4 cho 1.517 đ/c; các đối tượng khác: già làng 44 vị, chức việc 30 vị, chức việc 18 vị. Tổ chức giảng dạy môn giáo dục QP-AN cho học sinh 03 trường THPT với 2.310 học sinh. Tổ chức Lễ giao quân năm 2019 với quân số 208 công dân, đạt 100%, chất lượng giao quân tăng cao so với các năm trước. Đăng ký độ tuổi 17 được 925 công dân.

3. Công tác Thanh tra, phòng chống tham nhũng - Tư pháp

3.1. Công tác thanh tra, phòng chống tham nhũng:

Công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư, phòng chống tham nhũng được quan tâm thực hiện đúng quy định, tỷ lệ giải quyết hoàn thành các đơn thư cao. Hầu hết các vụ việc khiếu nại, tố cáo kéo dài cơ bản được giải quyết, quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của công dân được đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Trong năm 2019, toàn huyện tiếp được 302 lượt công dân đến phản ánh kiến nghị, giảm 27 lượt so với cùng kỳ năm 2018¹⁴; tiếp nhận 142 đơn, giảm 44 đơn so với cùng kỳ năm 2018¹⁵.

Tập trung chỉ đạo công tác thanh tra kinh tế - xã hội và công tác thanh tra phòng chống tham nhũng trên địa bàn; trong năm 2019, UBND huyện chỉ đạo Thanh tra huyện tiến hành 09 cuộc thanh tra tại 12 đơn vị, trong đó thanh tra theo kế hoạch là 05 cuộc, thanh tra đột xuất là 04 cuộc. Đến nay, đã kết thúc 08 cuộc thanh tra, đang tiến hành 01 cuộc¹⁶.

3.2. Công tác Tư pháp: Công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật đạt hiệu quả cao, trong đó tổ chức được 209 buổi, với hơn 14.126 lượt người tham

¹⁴ Trong đó Trụ sở tiếp công dân của huyện và các phòng, ban, đơn vị tiếp được 89 lượt công dân đến phản ánh, kiến nghị; UBND các xã, thị trấn tiếp 213 lượt công dân đến phản ánh, kiến nghị.

¹⁵ Trong đó 142 đơn đủ điều kiện thụ lý giải quyết (khiếu nại 02 đơn, tố cáo 02 đơn, kiến nghị 138 đơn). Đơn thuộc thẩm quyền của huyện là 22 đơn, thuộc thẩm quyền cấp xã là 120 đơn. UBND huyện đã chỉ đạo Thanh tra huyện cùng các đơn vị chức năng tiến hành giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, đến nay đã giải quyết xong 131/142 đơn đạt tỷ lệ 92,3%, trong đó: cấp huyện giải quyết 21/22 đơn, đạt 95,5%, cấp xã giải quyết 110/120 đơn, đạt 91,7%. Đang giải quyết 11 đơn kiến nghị (thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện, xã).

¹⁶ Kết quả: Đã phát hiện tổng số tiền sai phạm là 567.692.158 đồng, trong đó: phải thu hồi số tiền là 315.109.395 đồng, số tiền phải chi trả bổ sung cho các tổ chức, cá nhân là 71.545.563 đồng, số tiền phải nộp về tài khoản tiền gửi của UBND xã mờ tại Kho bạc huyện là 29.000.000 đồng, chờ văn bản xử lý của cấp trên đối với số tiền 152.037.200 đồng Trường TH Nguyễn Bá Ngọc chi chế độ phụ cấp thu hút cho 02 giáo viên không đúng quy định tại Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006, Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23/02/2013. Đề nghị xử lý kỷ luật đối với 02 cá nhân và kiểm điểm trách nhiệm 20 cá nhân có sai phạm.

dự. Tổ chức tập huấn kiến thức pháp luật cho 722 hòa giải viên, tuyên truyền viên, cán, bộ, công chức, công nhân, người lao động, cấp phát 2.008 tài liệu, 8.118 tờ gấp phổ biến, giáo dục pháp luật. Chỉ đạo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của UBND huyện và UBND các xã, thị trấn. Giải quyết kịp thời theo đúng quy định của pháp luật về hộ tịch. Trong năm đã thực hiện chứng thực 54.073 việc, trong đó cấp huyện chứng thực 173 việc, cấp xã chứng thực 53.900 việc; công tác hộ tịch 2.786 việc. Các tổ hòa giải cơ sở được củng cố, kiện toàn, đến nay có 163 tổ hòa giải với 850 hòa giải viên. Trong năm đã hòa giải 97 việc, trong đó: hoà giải thành 74 việc; không thành: 09 việc; đang hoà giải: 14 việc.

4. Công tác Nội vụ:

Tập trung nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu; thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế làm việc; xử lý nghiêm các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức vi phạm các quy định trong việc thực hiện nhiệm vụ.

Thực hiện công tác cán bộ trên tinh thần đảm bảo nguyên tắc kịp thời, đúng quy định, phù hợp với tính chất công việc, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chính trị (như quy hoạch, điều động, bổ nhiệm, nâng lương...). Rà soát củng cố một số chức danh công chức, lãnh đạo quản lý chính quyền cấp xã, lãnh đạo các cơ quan chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp. Công tác thi đua, khen thưởng được quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt, khơi dậy tinh thần thi đua thực hiện nhiệm vụ, song song với đó việc triển khai thi hành kỷ luật được thực hiện nghiêm minh, đảm bảo giữ vững kỷ cương công vụ. Trong năm 2019 UBND huyện đã ban hành 22 Quyết định khen thưởng đột xuất và chuyên đề, khen thưởng theo thành tích và đề nghị các cấp khen thưởng theo đúng quy định; thi hành kỷ luật 05 cán bộ, công chức cấp xã¹⁷.

¹⁷ Khen thưởng:

- Khen thưởng theo thành tích năm 2018: Quyết định tặng thưởng danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến đối với 34 tập thể; danh hiệu Lao động tiên tiến (Chiến sỹ tiên tiến) đối với 230 cá nhân; danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở đối với 38 cá nhân; tặng Giấy khen cho 34 tập thể và 108 cá nhân.

+ Được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc cho 01 tập thể, Cờ Thi đua cho 02 tập thể, Bằng khen cho 04 tập thể và 04 cá nhân; Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh cho 01 cá nhân.

- Khen thưởng tổng kết năm học 2018-2019: Quyết định tặng thưởng danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến đối với 19 tập thể; danh hiệu Lao động tiên tiến đối với 1070 cá nhân; danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở đối với 98 cá nhân; tặng Giấy khen cho 07 tập thể và 26 cá nhân.

+ Được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc cho 03 tập thể, Cờ Thi đua cho 03 tập thể, Bằng khen cho 06 tập thể và 03 cá nhân; Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh cho 01 cá nhân.

- Được Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai tặng Bằng khen cho 05 tập thể, 02 cá nhân, nhân kỷ niệm 40 năm Ngày thành lập xã Ia Lâu (02/3/1979 - 02/3/2019).

- Công nhận 7 thôn, Làng Văn hóa năm 2018; 23 Thôn, Làng, Tổ dân phố Văn hóa 03 năm (2016-2018).

** Kỷ luật:*

Thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách đối với bà Nguyễn Thị Thanh Thủy, công chức Tài chính - Kế toán xã Ia Púch, nguyên công chức Tài chính - Kế toán thị trấn Chư Prông; Xử lý kỷ luật đối với ông Nguyễn Văn Tiệp, Trưởng Công an xã Ia Me, nguyên Trưởng Công an xã Ia Tôr bằng hình thức

Tiếp tục triển khai việc sắp xếp, kiện toàn các tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII¹⁸. Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh về việc chia, nhập để thành lập và đặt tên mới thôn, tổ dân phố; đổi tên thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Đến nay huyện còn 163 thôn, làng, tổ dân phố (giảm 17 thôn, làng so với năm 2018). Thực hiện sắp xếp, bố trí công an chính quy đảm nhiệm các chức danh công an xã, thị trấn; hiện nay, đã có 08 xã, thị trấn thực hiện bố trí công an chính quy đảm nhiệm chức danh Trưởng Công an xã gồm: Thị trấn Chu Prông, Ia Tôr, Ia Băng, Ia Kly, Ia Boòng, Ia Púch, Ia Lâu, Ia Mơ.

5. Công tác cải cách hành chính:

Nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công, huyện thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc nhằm tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác cải cách thủ tục hành chính. Thực hiện nghiêm túc, có chất lượng công tác rà soát các quy định, thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý; kiến nghị cắt giảm tối đa các thủ tục hành chính rườm rà, không cần thiết để giảm thời gian và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức.

Dịch vụ hành chính công trực tuyến tiếp tục được triển khai. Đã tích hợp 386 dịch vụ công mức độ 1,2 công thông tin điện tử của huyện (299 TTHC cấp huyện và 187 TTHC cấp xã); cung cấp 29 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (dvc.gialai.gov.vn). Ngoài hệ thống Hội nghị truyền hình tại Hội trường UBND huyện, huyện đã đầu tư mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình tại Hội trường 15/9 của huyện nhằm phục vụ các Hội nghị lớn, duy trì hoạt động thường xuyên và ổn định, kết nối từ UBND huyện đến UBND tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố, hệ thống này hoạt động ngày càng có hiệu quả, tần suất sử dụng ngày càng cao. Hiện nay đang tiến hành đầu tư hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến cấp

khiển trách; Xử lý kỷ luật đối với ông Nguyễn Hữu Trung, công chức Chỉ huy trưởng Quân sự xã Ia O băng hình thức Khiển trách; Xử lý kỷ luật đối với bà Đào Thị Ngọc, công chức Tài chính - Kế toán xã Ia O băng hình thức Khiển trách; Xử lý kỷ luật đối với ông Nguyễn Văn Hà, Chủ tịch UBND xã Ia Băng băng hình thức Buộc thôi việc.

¹⁸ Quyết định số 1976/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 sáp nhập Trường MG Vàng Anh với Trường MN Sao Sáng. Quyết định số 1977/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 sáp nhập sáp nhập bộ phận TH Trường THCS Hoàng Văn Thụ với Trường TH Trần Quốc Toản. Quyết định số 1978/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 sáp nhập bộ phận THCS Trường THCS Hoàng Văn Thụ với Trường THCS Nguyễn Trãi. Quyết định số 1255/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 về chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp. Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 về chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Văn hóa, Thông tin và thể thao. Thực hiện Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND tỉnh Gia Lai Ủy ban nhân dân huyện đã tiến hành bàn giao Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình về Sở Y tế quản lý. Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 sáp nhập Trường Tiểu học Võ Thị Sáu và Trường Tiểu học Phan Chu Trinh thành Trường Tiểu học Phan Chu Trinh.

xã theo hình thức thuê dịch vụ. Hệ thống “một cửa điện tử”, “một cửa liên thông” đã được triển khai đồng bộ từ cấp huyện đến cấp xã (20 xã, thị trấn)¹⁹.

6. Công tác đối ngoại:

Thực hiện đúng đường lối, chủ trương của đảng, pháp luật của nhà nước về công tác đối ngoại phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Chỉ đạo Công an huyện, BCH Quân sự huyện cùng 03 Đồn Biên phòng Ia Púch, Ia Mơ, Ia Lốp chủ động trong mọi tình huống, làm tốt công tác đối ngoại với lực lượng vũ trang, chính quyền, nhân dân Campuchia khu vực biên giới để phối hợp đảm bảo nắm chắc tình hình, đấu tranh phòng chống trốn, vượt biên, xâm nhập trái phép. Quản lý chặt chẽ người và phương tiện ra vào khu vực biên giới, kịp thời phát hiện đấu tranh, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm quy chế biên giới, đảm bảo giữ vững an ninh biên giới. Phối hợp nắm và quản lý chặt chẽ người nước ngoài sinh sống, ra vào địa bàn theo quy định của pháp luật.

7. Công tác phối hợp với Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể:

Tiếp tục thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa UBND huyện với UBMTTQVN huyện và các đoàn thể trong công tác tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, vận động nhân dân thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đầu mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, phong trào “Xây dựng nếp sống văn hóa trong công nhân viên chức, người lao động”; thực hiện tốt công tác tuyên truyền nhân dân nhận thức đúng, tham gia tích cực chương trình xây dựng nông thôn mới. UBND huyện đã phối hợp với UBMTTQVN huyện và các đoàn thể trong việc tập trung xử lý một số vụ việc phức tạp trên địa bàn. Phối hợp làm tốt công tác xây dựng nhà ở cho các gia đình chính sách người có công.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

UBND huyện đã tập trung chỉ đạo thực hiện kịp thời các chương trình hành động, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh – quốc phòng, dự toán ngân sách năm 2019, kế hoạch 5 năm 2016-2020 của huyện cũng như các chỉ đạo của UBND tỉnh. Mặc dù gặp một số khó khăn do ảnh hưởng của thiên tai, song được sự chỉ đạo của UBND tỉnh và Huyện ủy, năm 2019 chính quyền, quân và dân các dân tộc huyện nhà, cộng đồng các doanh nghiệp đã chủ động triển khai kế hoạch năm đạt kết quả khá và toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Các chỉ tiêu quan trọng về kinh tế - xã hội đều đạt và vượt kế hoạch đề ra.

Một số vấn đề xã hội bức xúc được tập trung giải quyết kịp thời. Quốc phòng, an ninh được đảm bảo; công tác đối ngoại được tăng cường. Các phòng,

¹⁹ Từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 30/10/2019, bộ phận “Một cửa điện tử hiện đại” của huyện đã tiếp nhận 11.300 hồ sơ của công dân, trong đó đã giải quyết 11.011 hồ sơ, đang giải quyết 289 hồ sơ, tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn đạt 99,79%.

ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn, các lực lượng vũ trang, các doanh nghiệp đã chủ động triển khai công tác theo kế hoạch đề ra trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa xã hội và an ninh quốc phòng. Cơ sở hạ tầng các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn đã được quan tâm đầu tư. Công tác xây dựng nông thôn mới được các cấp, các ngành tập trung chỉ đạo quyết liệt, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch đã đề ra. Đã tập trung nâng cao chất lượng dạy và học; chăm lo, chăm sóc sức khoẻ nhân dân thông qua chính sách an sinh xã hội, chính sách người có công. Các phong trào văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao ở cơ sở có bước phát triển. An ninh, quốc phòng ổn định, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững. Công tác cải cách hành chính được quan tâm chỉ đạo.

Bên cạnh những kết quả trên, vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục và giải quyết:

1. Công tác xây dựng nông thôn mới mặc dù đã được Huyện ủy, UBND huyện tập trung chỉ đạo quyết liệt nhưng có thời điểm phong trào chưa thường xuyên, liên tục; một số địa phương triển khai còn chậm, một số ngành chưa thực sự quan tâm đúng mức; công tác tuyên truyền, vận động, huy động hệ thống chính trị, huy động sức dân hiệu quả còn hạn chế.
2. Công tác quản lý bảo vệ rừng mặc dù đã được chỉ đạo quyết liệt, song tình trạng vi phạm lâm luật vẫn còn xảy ra (*trong đó xảy ra 04 vụ phá rừng trái phép*). Việc phối hợp giữa các ngành, UBND xã trong công tác xử lý các hộ dân xây dựng trái phép trên đất lâm nghiệp, tháo dỡ chòi rẫy trên đất lâm nghiệp còn chậm, chưa quyết liệt trong triển khai thực hiện.
3. Công tác quản lý các khu quy hoạch còn hạn chế, việc đầu tư hạ tầng các khu quy hoạch chưa đồng bộ; việc điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn mặc dù được tập trung chỉ đạo nhưng vẫn còn chậm tiến độ.
4. Công tác quản lý trật tự đô thị, quản lý hành lang an toàn giao thông mặc dù đã được chỉ đạo quyết liệt nhưng một số đơn vị thực hiện chưa nghiêm, vẫn còn để xảy ra tình trạng lấn chiếm lòng, lề đường.
5. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản, trong đó có các chương trình thuộc chương trình 135, chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới còn chậm tiến độ đề ra; việc đầu tư, sửa chữa một số tuyến đường giao thông liên xã chưa kịp thời.
6. Tình hình an ninh chính trị tiềm ẩn những diễn biến khó lường. Công tác nắm tình hình, theo dõi, quản lý, giáo dục các đối tượng còn có mặt hạn chế, nhất là các đối tượng FULRO, “TLĐG”. Việc nắm bắt hoạt động phục hồi của đối tượng có thời điểm chưa kịp thời.

7. Công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh đã được UBND huyện quan tâm chỉ đạo, song tại một số đơn vị, địa phương vẫn chưa quan tâm triển khai thực hiện đúng mức.

8. Chế độ hội họp, thông tin, báo cáo của một số ngành, UBND cấp xã chưa nghiêm túc. Nhiều đơn vị chưa chủ động trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của ngành, hoặc có thực hiện nhưng không đảm bảo về chất lượng và thời gian. Cá biệt một số đơn vị, phòng ban chức năng cấp huyện và cấp xã còn不尽地执行其职责, 导致某些工作未能有效落实。

* Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế:

- Địa bàn huyện rộng, diện tích rừng lớn, thuận lợi cho lâm tặc hoạt động khai thác, mua bán, vận chuyển lâm sản trái phép, gây khó khăn cho công tác quản lý bảo vệ rừng của địa phương; lực lượng làm nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng của một số đơn vị chưa làm hết chức năng, nhiệm vụ, chưa phối hợp tốt trong công tác tuần tra quản lý bảo vệ rừng. Mặt khác diện tích đất rừng nghèo chuyền đổi để thực hiện dự án trồng cao su quá lớn, nên nhiều doanh nghiệp thực hiện tuyển dụng, sử dụng lao động thiếu chọn lọc, quản lý lỏng lẻo, đã tạo điều kiện cho lâm tặc trà trộn, lợi dụng để khai thác, mua bán, vận chuyển gỗ trái phép cũng như thực hiện các hành vi vi phạm khác về quản lý bảo vệ rừng.

- Các nhiệm vụ UBND huyện được UBND tỉnh, các sở, ngành của tỉnh, Ban Thường vụ Huyện ủy giao trong năm rất nhiều, một số nhiệm vụ cần phải có lộ trình, thời gian thực hiện, có nhiều nhiệm vụ liên quan trực tiếp tới việc chỉ đạo, thực hiện của các sở, ngành của tỉnh nên khó khăn trong công tác phối hợp, thời gian kéo dài.

- Một số phòng, ban, đơn vị, cấp xã chưa chủ động trong việc triển khai các nhiệm vụ lĩnh vực ngành, địa phương phụ trách, còn thụ động vào công tác chỉ đạo của UBND huyện nên thời gian, chất lượng hoàn thành chưa đạt yêu cầu.

- Trình độ, năng lực lãnh đạo, quản lý của một số ít các phòng, ban, cấp xã còn hạn chế nên việc chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ do UBND huyện giao còn chậm trễ, kéo dài, không đảm bảo chất lượng.

PHẦN II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI NĂM 2020

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020. Yêu cầu đặt ra là củng cố vững chắc quốc phòng - an ninh, phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả và bền vững, nâng cao chất lượng tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng, xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính, bảo đảm an sinh

xã hội và phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; UBND huyện tập trung vào các chỉ tiêu chủ yếu, nhiệm vụ, giải pháp như sau:

A. Các chỉ tiêu chủ yếu:

1. Về kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất: 6,5%.
- Cơ cấu kinh tế:
 - + Ngành nông lâm ngư nghiệp: 50,27.
 - + Ngành công nghiệp - xây dựng: 22,01%.
 - + Ngành dịch vụ: 27,72.
- Thu nhập bình quân đầu người: 40,5 triệu đồng/người/năm.
- Tổng diện tích gieo trồng: 74.437 ha.
- Tổng sản lượng lương thực có hạt: 45.226 tấn.
- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 01 xã (lũy kế 07 xã).
- Tổng thu ngân sách huyện: 80 tỷ đồng.
- Tổng chi ngân sách huyện: 572,469 tỷ đồng.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội: 3.270 tỷ đồng.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ: 2.250 tỷ đồng.

2. Về xã hội

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,25%.
- Số lao động được giải quyết việc làm mới trong năm: 2.000 lao động.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 45%.
- Tỷ lệ hộ nghèo: 4,5%.
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: 47,5%.
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế: 100%.
- Số bác sĩ/vạn dân: 4,2 bác sĩ.
- Số giường bệnh/vạn dân: 20,53 giường.
- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT: 90,06%.

3. Chỉ tiêu môi trường

- Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh: 95%.
- Diện tích trồng rừng mới: 120 ha.
- Tỷ lệ che phủ rừng: 39%.
- Tỷ lệ chất thải rắn được xử lý: 98%.

B. Một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:

I. Về kinh tế:

1. Tiếp tục triển khai các chương trình, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới theo hướng phát triển bền vững. Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào chăm sóc diện tích cây trồng, tăng năng suất,

chất lượng, đảm bảo quy hoạch. Chú trọng phát triển một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp, giống cây trồng, vật nuôi.

Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp tập trung, đảm bảo hiệu quả và an toàn thực phẩm. Phát triển các dự án ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ phát triển sản xuất để khai thác tối đa diện tích được đầu tư.

Tập trung mọi nguồn lực tiếp tục triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, phấn đấu thêm 01 xã hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới, các xã còn lại tăng từ 1-2 tiêu chí trở lên. Định hướng đến năm 2020 có 07 xã (Bàu Cạn, Ia Phìn, Ia Drang, Ia Băng, Ia Boòng, Thăng Hưng, Ia Lâu) đạt chuẩn nông thôn mới. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 19/7/2011 của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới tỉnh Gia Lai đến năm 2020.

2. Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý bảo vệ rừng, nâng cao trách nhiệm của lực lượng chức năng và các chủ rừng. Triển khai có hiệu quả các chính sách trồng rừng theo quy định tại Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ và Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp phục vụ sản xuất nông nghiệp và nông thôn, nhất là công nghiệp chế biến hàng nông sản, sản xuất hàng xuất khẩu. Tăng cường quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn.

Mở rộng mạng lưới dịch vụ khu vực nông thôn. Phát triển hệ thống phân phối bán lẻ trên địa bàn huyện, tạo điều kiện thuận lợi cho hệ thống bán lẻ, bán buôn trên địa bàn phát triển, đảm bảo phục vụ kịp thời nhu cầu của nhân dân, đặc biệt quan tâm đến hệ thống bán lẻ đối với các xã vùng sâu, vùng xa. Từng bước hình thành chợ xã, chợ khu vực đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hoá ở địa bàn.

Quy hoạch quy hoạch đất phát triển các khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đặc biệt là diện tích đất nằm trong vùng tưới của công trình Hồ Thủy lợi Ia Mơ. Kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Nhân rộng mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp hữu cơ bền vững trong dân để tạo đột phá trong sản xuất nông nghiệp.

4. Tiếp tục huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn; đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư. Ưu tiên đầu tư cho các công trình, dự án hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2020, bố trí vốn đầu tư phát triển cho các công trình, dự án quan trọng, thiết yếu thuộc các ngành, lĩnh vực để thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo mục tiêu đã nêu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016–2020. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát đánh giá đầu tư, phát hiện và xử lý những vi phạm.

5. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai, đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn. Tiếp tục tăng cường kiểm tra, quản lý về sử dụng đất, tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về đất đai, đặc biệt là trường hợp lấn chiếm đất lâm nghiệp, đất quy hoạch, sử dụng đất không đúng mục đích.

Thực hiện có hiệu quả các định hướng ưu tiên về tài nguyên và môi trường của chiến lược phát triển bền vững, kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu. Xác định công tác bảo vệ môi trường là nhiệm vụ xuyên suốt trong quá trình phát triển, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân, kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

6. Tranh thủ các nguồn vốn đầu tư sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường quan trọng phục vụ nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, giao lưu văn hóa với các địa phương khác.

7. Rà soát các nguồn thu để triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp khai thác tối đa nguồn thu, đặc biệt chú trọng đến các biện pháp tăng thu, chống thất thu ngân sách, đảm bảo hoàn thành và vượt dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2020. Điều hành ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm; rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi, cắt giảm các khoản chi chưa thật sự cần thiết, cấp bách theo Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ.

8. Tăng cường công tuyên truyền các chủ trương của Nhà nước về chính sách ưu đãi đầu tư kinh doanh trên địa bàn huyện nhằm thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế. Tạo điều kiện thuận lợi, thủ tục thông thoáng trong việc đăng ký kinh doanh, kích thích đầu tư của các tầng lớp dân cư, các thành phần kinh tế, đặc biệt khuyến khích, tạo điều kiện phát triển kinh tế hộ gia đình, tạo đà phát triển cho toàn huyện.

9. Tăng cường quản lý đô thị. Tiến hành đo đạc, cắm mốc các khu quy hoạch để phục vụ công tác quản lý quy hoạch. Tập trung nhanh hoàn thành điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Chư Prông.

II. Về văn hóa – xã hội:

1. Tiếp tục thực hiện kế hoạch năm học 2019-2020, tập trung nâng cao chất lượng dạy và học. Tăng cường kỷ cương, nề nếp và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, ngăn ngừa tình trạng học sinh bỏ học, đảm bảo an ninh học đường. Phấn đấu đẩy nhanh tiến độ trường đạt chuẩn quốc gia. Sắp xếp, bố trí cán bộ quản lý, giáo viên phù hợp đáp ứng nhu cầu dạy và học. Duy trì và nâng chuẩn phổ cập giáo dục các cấp học. Thực hiện có hiệu quả chủ trương xã hội hoá giáo dục theo đúng quy định, khuyến khích mở lớp mầm non dân lập, tư thục, huy động sức dân phát triển sự nghiệp giáo dục.

2. Tăng cường công tác y tế dự phòng, triển khai quyết liệt các giải pháp phòng, chống dịch bệnh, nhất là các loại dịch bệnh theo mùa. Nâng cao chất lượng khám và chữa bệnh, đảm bảo cung ứng đầy đủ thuốc thiết yếu, vật tư y tế, nhất là ở các trạm y tế xã, chú trọng công tác khám chữa bệnh bằng bảo hiểm y tế. Khuyến khích các cơ sở ngành nghề y tư nhân phát triển mạnh trên cơ sở tuân thủ đúng quy định pháp luật. Triển khai quyết liệt các giải pháp để hoàn thành chỉ tiêu BHYT giai đoạn 2016-2020. Triển khai có hiệu quả các mục tiêu của chương trình quốc gia về y tế, quan tâm hơn nữa đến công tác chăm sóc sức khỏe bảo vệ bà mẹ và trẻ em, đảm bảo tỷ lệ tiêm chủng cho trẻ dưới 1 tuổi đạt 98%. Nâng cao chất lượng dân số, giảm tỷ lệ sinh con thứ ba, tập trung vào các vùng có mức sinh cao, nhất là trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Tổ chức thực hiện có hiệu quả phong trào động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”. Nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đẩy mạnh các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao tạo phong trào sâu rộng ở cơ sở, từng bước phát triển thể thao thành tích cao. Chú trọng xây dựng thôn, làng, tổ dân phố văn hóa và gia đình văn hóa đảm bảo thực chất. Phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, giữ gìn bản sắc dân tộc, tạo khí thế thi đua sôi nổi trong đời sống và sản xuất của nhân dân trên địa bàn. Tập trung kiểm tra hoạt động kinh doanh dịch vụ cầm đồ, nhà nghỉ, Internet, karaoke theo kế hoạch.

4. Tập trung nguồn lực thực hiện kế hoạch phát triển du lịch huyện Chu Prông giai đoạn 2017-2020. Cải tạo cảnh quan, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống, tăng thu nhập cho xã hội, tạo việc làm cho người lao động, góp phần thúc đẩy các ngành kinh tế - xã hội phát triển.

5. Thực hiện tốt Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững, tập trung giảm nghèo trong vùng đồng bào DTTS. Triển khai kịp thời công tác cứu đói, thực hiện tốt việc cứu trợ xã hội thường xuyên và đột xuất. Triển khai kịp thời

các chương trình cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo... có kế hoạch hướng dẫn hộ nghèo sử dụng vốn vay có hiệu quả.

III. Lĩnh vực Nội chính:

1. Triển khai tốt nhiệm vụ đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, an ninh biên giới, an ninh tôn giáo, công tác quốc phòng - quân sự địa phương. Đảm bảo hoàn thành kế hoạch giao, nhận quân, công tác huấn luyện dân quân tự vệ, lực lượng DBDV. Bảo đảm ổn định trật tự ATXH trên địa bàn. Chủ động trong công tác nắm tình hình, kịp thời đấu tranh, phòng ngừa, ngăn chặn mọi âm mưu của các thế lực thù địch, kiên quyết không để xảy ra điểm nóng, biểu tình, bạo loạn, xâm nhập, vượt biên trái phép.

2. Chỉ đạo các xã, thị trấn, các ngành chức năng quản lý tốt các đối tượng trên địa bàn; quản lý chặt chẽ hoạt động của một số đối tượng trong tổ chức phản động Fulrô “Tin lành Đê Ga”, đặc biệt là các đối tượng cầm đầu, cốt cán, đối tượng tù tha. Nâng cao chất lượng hiệu quả công tác quản lý nhân hộ khẩu, đăng ký thường trú, tạm trú, tạm vắng, đặc biệt tại các xã biên giới và quản lý người nước ngoài đến địa bàn.

3. Nắm chắc tình hình tôn giáo tại cơ sở, không để lợi dụng hoạt động tôn giáo gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc hoặc lợi dụng xâm nhập tuyên truyền chống phá cách mạng. Theo dõi, giải quyết kịp thời những mâu thuẫn trong các cơ sở tôn giáo để đảm bảo ổn định ANTT.

4. Tập trung điều tra, xử lý các vụ vi phạm pháp luật. Thực hiện quyết liệt công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông, chấn chỉnh hoạt động của các Tổ tự quản an toàn giao thông tại các xã, thị trấn. Chú trọng công tác đảm bảo an ninh nông thôn. Củng cố lực lượng công an cấp xã theo hướng tăng cường lực lượng công an chính quy.

5. Tập trung giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo theo hướng đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Chỉ đạo giải quyết các vụ việc nổi cộm, bức xúc mâu thuẫn trong xã hội và nhân dân, không để xảy ra điểm nóng. Thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí; tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật.

6. Tiếp tục triển khai xây dựng các chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa 12 về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa 12 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; trong đó chú trọng công tác rà soát, sáp nhập các đơn vị

hành chính, đơn vị sự nghiệp, các trường học; cung cấp, kiện toàn hệ thống trường, lớp đội ngũ giáo viên đảm bảo việc đáp ứng yêu cầu dạy và học. Thực hiện tinh giản biên chế gắn với sắp xếp vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức theo đúng chức năng, nhiệm vụ. Cung cấp đội ngũ cán bộ các cấp đáp ứng tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

7. Đẩy mạnh cải cách hành chính; thực hiện đúng quy chế làm việc của UBND huyện, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, năng lực quản lý, điều hành và trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan. Tăng cường công tác quản lý cán bộ, chấn chỉnh vi phạm kỷ luật kỷ cương hành chính nhà nước, kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Triển khai việc bàn giao hệ thống một cửa sang Bưu điện.

8. Đánh giá, phân loại cơ quan, đơn vị, địa phương năm 2020.

Năm 2020 là năm có ý nghĩa rất quan trọng trong thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2015-2020, nhiệm vụ kế hoạch 05 năm (2016-2020); UBND huyện yêu cầu các ngành, địa phương nỗ lực khắc phục khó khăn, chủ động, sáng tạo phấn đấu hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Cục thống kê, Sở Kế hoạch - Đầu tư (B/c);
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện (báo cáo);
- Các ngành, đơn vị liên quan;
- UBND các xã, thị trấn;
- UBMTTQ và các đoàn thể (Phối hợp);
- Lưu VT+TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Dũng

Ước thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2019
(kèm theo báo cáo số 46/BC-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2019 của UBND huyện)

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2019	Ước TH năm 2019	Đạt, không đạt
I Chỉ tiêu kinh tế					
1	Tốc độ tăng trưởng GTSX	%	7,12	7,21	Đạt
2	Giá trị sản xuất ngành nông lâm ngư nghiệp	Tỷ đồng	3.896,33	3.899,61	Đạt
3	GTSX ngành công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	1.135,5	1.136,62	Đạt
4	GTSX ngành dịch vụ	Tỷ đồng	1.470,95	1.471,86	Đạt
5	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	40	40	Đạt
6	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế)	Xã	6	6	Đạt
7	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	72,164	90	Đạt
8	Tổng chi ngân sách huyện	Tỷ đồng	510,419	553,761	Đạt
9	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	Tỷ đồng	3.050	3.145	Đạt
10	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ	Tỷ đồng	2.010	2.012	Đạt
II Chỉ tiêu về xã hội					
1	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,34	1,25	Đạt
2	Số lao động được tạo việc làm mới	Người	2.600	2.600	Đạt
3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	43	43	Đạt
4	Tỷ lệ hộ nghèo	%	7	6,9	Đạt
5	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	29,5	30,7	Đạt
6	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	76	76	Đạt
7	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học ở cấp tiểu học	%	93	96	Đạt
8	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học ở cấp trung học	%	88	91	Đạt



9	Số giường bệnh/vạn dân	Giường	19,69	20,53	Đạt
10	Số bác sỹ /vạn dân	Bác sỹ	3,92	3,92	Đạt
11	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	88,99	89,0	Đạt
III	Chỉ tiêu về môi trường				
1	Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	99,70	99,71	Đạt
2	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	92,50	92,60	Đạt
3	Trồng rừng mới	Ha	120	144,6	Đạt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH TẾ - XÃ HỘI
HUYỆN CHƯ PRÔNG NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020
(Kèm theo báo cáo số 97/BC-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2019 của UBND huyện Chư Prông)

Số thứ tự	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch tinh giao năm 2019	Kế hoạch huyện năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	Kế hoạch huyện năm 2020	So sánh %			Ghi chú
								UTH năm 2019/ TH năm 2018	UTH năm 2019/ KH tỉnh năm 2019	UTH năm 2019/ KH huyện năm 2019	
A CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ											
I	Giá trị sản xuất										
1	Theo giá so sánh năm 2010	Tỷ đồng	6.070,55		6.502,78	6.508,09	6.901,78	107,21		100,08	
-	Giá trị ngành nông lâm nghiệp	Tỷ đồng	3.792,56		3.896,33	3.899,61	3.945,50	102,82		100,08	
-	Giá trị công nghiệp xây dựng	Tỷ đồng	995,37		1.135,50	1.136,62	1.285,85	114,19		100,10	
-	Giá trị dịch vụ	Tỷ đồng	1.282,62		1.470,95	1.471,86	1.670,43	114,75		100,06	
2	Theo giá hiện hành	Tỷ đồng	9.733,20		10.649,64	10.665,81	11.635,21	109,58		100,15	
-	Giá trị ngành nông lâm nghiệp	Tỷ đồng	5.441,57		5.685,25	5.689,23	5.848,53	104,55		100,07	
-	Giá trị công nghiệp xây dựng	Tỷ đồng	1.906,25		2.198,69	2.207,80	2.561,05	115,82		100,41	
-	Giá trị dịch vụ	Tỷ đồng	2.385,38		2.765,70	2.768,78	3.225,63	116,07		100,11	
II	Nông nghiệp										
1	Trồng trọt										
	Tổng diện tích gieo trồng	Ha	73.409	74.100	73.592	74.248	74.437	101,14	100,20	100,89	
	Tổng sản lượng lương thực	Tấn	45.879	41.990	42.507	45.221	45.226	98,57	107,69	106,38	
-	Trong đó: Thóc	Tấn	15.123	15.530	14.807	18.671	18.671	123,47	120,23	126,10	
a	Cây lương thực	Ha	10.893	9.740	10.040	10.190	10.167	93,55	104,62	101,49	
-	Lúa cá năm	Ha	4.321	4.340	4.121	4.517	4.517	104,54	104,08	109,61	
	NS	Tạ/ha	35,0	35,8	35,9	41,3	41,3	118,11	115,46	115,05	
	SL	Tấn	15.123	15.530	14.807	18.671	18.671	123,47	120,23	126,10	
	+ Lúa đông xuân	Ha	1.241	1.230	1.241	1.637	1.637	131,91	133,09	131,91	
	NS	Tạ/ha	45,1	45,5	45,1	57,8	57,8	128,16	127,03	128,16	
	SL	Tấn	5.597	5.600	5.597	9.462	9.462	169,06	168,96	169,06	
	+ Lúa nước mùa	Ha	2.080	2.080	2.080	2.080	2.080	100,00	100,00	100,00	
	NS	Tạ/ha	38,2	40,0	38,2	38,2	38,2	100,00	95,50	100,00	
	SL	Tấn	7.946	8.320	7.946	7.946	7.946	100,00	95,50	100,00	
	+ Lúa rẫy	Ha	1.000	1.030	800	800	800	80,00	77,67	100,00	
	NS	Tạ/ha	15,8	15,6	15,8	15,8	15,8	100,00	101,28	100,00	
	SL	Tấn	1.580	1.610	1.264	1.264	1.264	80,00	78,51	100,00	
-	Ngô cá năm	Ha	6.572	5.400	5.919	5.673	5.650	86,32	105,06	95,84	
	NS	Tạ/ha	46,8	49,0	46,8	46,8	47,0	100,00	95,51	100,00	
	SL	Tấn	30.756	26.460	27.701	26.550	26.555	86,32	100,34	95,84	
	+ TD: Ngô Lai	Ha	6.522		5.869	5.623	5.600	86,22		95,81	
	NS	Tạ/ha	46,9		46,9	46,9	47,1	100,00		100,00	
	SL	Tấn	30.587		27.526	26.372	26.377	86,22		95,81	
b	Cây tinh bột có cù	Ha	5.514	5.320	5.600	5.863	5.600	106,33	110,21	104,70	
-	Sắn cá năm	Ha	5.294	5.100	5.400	5.663	5.400	106,97	111,04	104,87	
	NS	Tạ/ha	147,2	149,0	147,2	148,1	148,1	100,61	99,40	100,61	
	SL	Tấn	77.928	76.000	79.488	83.869	79.974	107,62	110,35	105,51	
-	Lang cá năm	Ha	220	220	200	200	200	90,91	90,91	100,00	
	NS	Tạ/ha	100	105	100	100	100	100,00	95,24	100,00	
	SL	Tấn	2.200	2.310	2.000	2.000	2.000	90,91	86,58	100,00	
c	Cây thực phẩm	Ha	5.045	5.560	5.045	5.069	5.045	100,48	91,17	100,48	

Số thứ tự	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch tinh giao năm 2019	Kế hoạch huyện năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	Kế hoạch huyện năm 2020	So sánh %			Ghi chú
								UTH năm 2019/ TH năm 2018	UTH năm 2019/ KH năm 2019	UTH năm 2019/ KH huyện 2019	
-	Đậu các loại	Ha	2.508	2.700	2.510	2.510	2.510	100,08	92,96	100,00	
	NS	Tạ/ha	9,7	9,8	9,5	9,5	9,7	97,94	96,94	100,00	
	SL	Tấn	2.433	2.640	2.385	2.385	2.435	98,02	90,32	100,00	
-	Rau các loại	Ha	2.302	2.860	2.300	2.302	2.300	100,01	80,49	100,09	
	NS	Tạ/ha	86,0	115,4	86,0	86,0	86,0	100,00	74,52	100,00	
	SL	Tấn	19.795	33.000	19.780	19.797	19.780	100,01	59,99	100,09	
-	Dưa hấu	Ha	235		235	257	235	109,36		109,36	
	+ Trong đó Dưa Đông xuân	Ha	235		235	257	235	109,36		109,36	
	NS	Tạ/ha	400		400	400	400	100,00		100,00	
	SL	Tấn	9.400		9.400	10.280	9.400	109,36		109,36	
d	Cây công nghiệp ngắn ngày	Ha	830	830	880	617	880	74,34	74,34	70,11	
-	Lạc	Ha	280	280	280	280	280	100,00	100,00	100,00	
	NS	Tạ/ha	9,7	9,8	9,7	9,7	9,7	100,00	98,98	100,00	
	SL	Tấn	272	275	272	272	272	100,00	98,76	100,00	
-	Mía	Ha	550	550	600	337	600	61,27	61,27	56,17	
	Thu hoạch	Ha	550	500	600	337	600	61,27	67,40	56,17	
	NS	Tạ/ha	750	750	750	750	750	100,00	100,00	100,00	
	SL	Tấn	41.250	37.500	45.000	25.275	45.000	61,27	67,40	56,17	
e	Cây HN khác (ót cay, hoa, cây cảnh, cỏ chăn nuôi...)	Ha	290	290	290	290	290	100,00	100,00	100,00	
f	Cây CN dài ngày	Ha	49.711	51.280	50.311	50.505	50.691	101,60	98,49	100,39	
-	Cao su tổng số	Ha	33.019	33.019	33.019	32.745	32.745	99,17	99,17	99,17	
	Trồng mới, tái canh	Ha	269	600	100	100	100	37,17	16,67	100,00	
	KTCB	Ha	2.667	4.216	2.781	2.781	2.781	104,27	65,97	100,00	
	Kinh doanh	Ha	30.083	28.204	30.138	29.864	29.864	99,27	105,89	99,09	
	NS	Tạ/ha	12,8	14,0	12,8	12,8	13,0	100,00	91,43	100,00	
	SL (mù khô)	Tấn	38.506	39.570	38.577	38.226	38.823	99,27	96,60	99,09	
	+ TD: Cao su tiêu diệt	Ha	2.430		2.430	2.156	2.156	88,72		88,72	
	KTCB	Ha	60								
	Kinh doanh	Ha	2.370		2.430	2.156	2.156	90,97		88,72	
	NS	Tạ/ha	12,4		12,4	12,4	12,4	100,00		100,00	
	SL (mù khô)	Tấn	2.939		3.013	2.673	2.673	90,97		88,72	
-	Cà phê tổng số	Ha	13.415	13.391	13.815	13.914	14.000	103,72	103,91	100,72	
	Trồng mới	Ha	24		400	499	86				
	Tái canh	Ha	769	439	439	400	250				
	KTCB	Ha	635	1.293	1.328	1.328	1.701	209,07	102,68	100,00	
	Kinh doanh	Ha	11.987	11.659	11.648	11.687	11.962	97,50	100,24	100,34	
	NS	Tạ/ha	28,5	28,3	28,5	29,0	29,0	101,75	102,47	101,75	
	SL (cà nhân)	Tấn	34.163	33.000	33.197	33.893	34.802	99,21	102,71	102,10	
	+ TD: Cà phê nhân dân	Ha	11.171		11.900	12.039	12.525	107,77		101,16	
	Trồng mới	Ha	24		400	499	86				
	Tái canh	Ha	769	439	439	400	250				
	KTCB	Ha	571		1.264	1.264	1.701	221,30		100,00	
	Kinh doanh	Ha	10.576		10.237	10.276	10.487	97,17		100,38	
	NS	Tạ/ha	28,5		28,5	29,0	29,0	101,75		101,75	
	SL (cà nhân)	Tấn	30.141		29.175	30.489	30.550	101,15		104,50	

Stt	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch tỉnh giao năm 2019	Kế hoạch huyện năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	Kế hoạch huyện năm 2020	So sánh %			Ghi chú
								UTH năm 2019/ TH năm 2018	UTH năm 2019/ KH tỉnh 2019	UTH năm 2019/ KH huyện 2019	
-	Hồ tiêu	Ha	1.494	2.625	1.694	1.544	1.644	103,35	58,84	91,15	
	Trồng mới	Ha	100		200	50	100	50,00		25,00	
	KTCB	Ha	142	100	142	142	93	100,00	142,49	100,00	
	Kinh doanh	Ha	1.252	2.525	1.352	1.352	1.452	107,98	53,54	100,00	
	NS	Tạ/ha	37,0	35,6	37,0	38,0	38,0	102,70	106,74	102,70	
	SL	Tấn	3.109	9.000	3.479	5.137	5.517	165,25	57,08	147,67	
-	Điều	Ha	1.700	1.750	1.700	1.807	1.807	106,29	103,26	106,29	
	Trồng mới	Ha		50		107					
	Tái canh	Ha	125		100						
	KTCB		138	208	263	263	232	190,58	126,44	100,00	
	Kinh doanh	Ha	1.437	1.492	1.337	1.437	1.575	100,00	96,31	107,48	
	NS	Tạ/ha	13,0	13,4	13,0	13,0	13,0	100,00	97,01	100,00	
	SL	Tấn	1.868	2.000	1.738	1.868	1.868	100,00	93,41	107,48	
-	Chè	Ha	495	495	495	495	495	100,00	100,00	100,00	
	Kinh doanh	Ha	495	495	495	495	495	100,00	100,00	100,00	
	NS	Tạ/ha	53,2	61,6	53,2	53,2	53,2	100,00	86,36	100,00	
	SL	Tấn	2.633	3.050	2.633	2.633	2.633	100,00	86,34	100,00	
g	Cây ăn quả	Ha	1.126	1.080	1.426	1.714	1.764	152,23	158,70	120,20	
	Trồng mới	Ha	133		300	588	50	442,44		196,00	
2	Chăn nuôi	Con	48.189	40.942	48.385	48.434	48.990	100,51	118,30	100,10	
-	Đàn trâu tổng số	Con	382	400	385	387	390	101,31	96,75	100,52	
-	Đàn bò tổng số	Con	23.802	20.632	23.900	23.905	24.100	100,43	115,86	100,02	
-	Đàn heo tổng số	Con	24.005	19.910	24.100	24.142	24.500	100,57	121,26	100,17	
*	Sản phẩm chăn nuôi										
-	Thịt trâu, bò hơi	Tấn	964	900	970	970	978	100,55	107,74	100,02	
-	Thịt heo hơi	Tấn	2.995	2.515	2.892	2.897	2.940	96,74	115,19	100,17	
3	Thủy sản										
-	Tổng diện tích	Ha	718	715	1.520	1.520	1.520	211,64	212,59	100,00	
	+ Trong đó: DT nuôi trồng	Ha	46	66	47	47	47	101,95	71,21	100,64	
-	Tổng sản lượng	Tấn	253	398	335	338	338	133,44	84,92	100,90	
	+ Trong đó: SL nuôi trồng	Tấn	130	192	132	135	135	103,62	70,31	102,29	
III	Công nghiệp, xây dựng										
*	Một số sản phẩm chủ yếu										
-	Xay xát lương thực	Tấn	25.550		26.100	26.620	26.880	104,19		101,99	
-	Đá xây dựng	M3	183.540		184.400	184.400	184.400	100,47		100,00	
-	Điện sản xuất	1.000 Kw	53.408		56.380	56.380	56.950	105,56		100,00	
-	Nước đá	Tấn	1.850		1.920	2.480	2.550	134,05		129,17	
-	Chè các loại	Tấn	572		572	572	572	100,00		100,00	
-	Phân vi sinh	Tấn	14.390		14.600	16.830	17.600	116,96		115,27	
IV	Dịch vụ										
1	Giao thông vận tải										
-	Vận chuyển hàng hóa										
+	Khối lượng vận chuyển	1.000 Tấn	634	800	645	649	663	102,37	81,13	100,62	

Stt	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch tỉnh giao năm 2019	Kế hoạch huyện năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	Kế hoạch huyện năm 2020	So sánh %			Ghi chú
								UTH năm 2019/ TH năm 2018	UTH năm 2019/ KH tỉnh 2019	UTH năm 2019/ KH huyện 2019	
+	Khối lượng luân chuyển	1.000 T.Km	71.710	103.000	72.850	73.337	74.890	102,27	71,20	100,67	
-	Vận chuyển hành khách										
+	Khối lượng vận chuyển	1.000 HK	1.047	1.300	1.065	1.075	1.095	102,67	82,69	100,94	
+	Khối lượng luân chuyển	1.000 HK.Km	190.320	247.000	193.590	194.414	199.010	102,15	78,71	100,43	
2	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ	Tỷ đồng	1.879		2.010	2.012	2.250	107,08		100,10	
V	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	1.570		3.050	3.145	3.270	200,32		103,11	
	Trong đó: NS Nhà nước đầu tư	Tỷ đồng	190		400	400	420	210,53		100,00	
	Vốn đầu tư của các DN	Tỷ đồng	540		1.805	1.900	2.000	351,85		105,26	
	Vốn đầu tư của nhân dân	Tỷ đồng	840		845	845	850	100,60		100,00	
VI	THU CHI NGÂN SÁCH										
1	Tổng thu ngân sách huyện	Tr. đồng	85.933	62.164	72.164	90.000	80.000	104,73	144,78	124,72	
	Trong đó huyện thu cân đối NS	Tr. đồng	78.291	53.324	63.324	81.000	72.800	103,46	151,90	127,91	
2	Tổng chi ngân sách huyện	Tr. đồng	510.439	500.419	510.419	553.761	572.469	108,49	110,66	108,49	
*	Trong đó một số nội dung chi:										
	Chi đầu tư phát triển	Tr. đồng	61.914	39.300	49.300	78.300	74.300	126,47	199,24	158,82	
	Chi thường xuyên	Tr. đồng	427.395	451.109	451.109	465.261	486.169	108,86	103,14	103,14	
B	CÁC CHỈ TIÊU VĂN HÓA - XÃ HỘI										
1	Dân số - KHHGĐ										
-	Dân số										
	Dân số có mặt đầu năm	Người	126.875		129.295	129.295	130.937	101,91		100,00	
	Dân số có mặt cuối kỳ	"	129.295		131.712	130.937	132.650	101,27		99,41	
	Dân số trung bình	"	128.085		130.504	130.116	131.794	101,59		99,70	
	Trong đó: Dân tộc thiểu số	"	60.905		62.160	61.802	62.610	101,47		99,42	
	Dân số tăng trong kỳ	"	2.420		2.417	1.642	1.713	67,85		67,94	
	TĐ: Tăng tự nhiên	"	1.725		1.749	1.630	1.646	94,49		93,20	
	Tăng cơ học	"	695		668	12	67	1,73		1,80	
	- Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%	1,35		1,34	1,25	1,25				
	- Tỷ lệ phát triển dân số	%	1,89		1,85	1,26	1,30				
	- Tỷ lệ giảm sinh	%	0,12		0,21	1,29	0,06				
	Kế hoạch hóa gia đình										
	Tỷ lệ thực hiện các biện pháp tránh thai hiện đại	%	76,1		76,5	76,2	76,5				
2	Giảm nghèo										
-	Tổng số hộ của toàn huyện	Hộ	29.721		30.234	29.945	30.734	100,75		99,04	
+	Trong đó: Hộ đồng bào DTTS	Hộ	13.021		13.100	13.404	13.317	102,94		102,32	
-	Số hộ nghèo	Hộ	2.710		2.134	2.064	1.383	76,16		96,72	
+	Trong đó: Hộ đồng bào DTTS	Hộ	2.222		1.720	1.646	1.102	74,08		95,70	
-	Tỷ lệ hộ nghèo	%	9,12		7,06	6,89	4,50				
+	Trong đó: Hộ đồng bào DTTS	%	81,99		80,60	79,75	79,68				
-	Số hộ thoát khỏi nghèo trong năm	Hộ	1.138		700	930	687	81,72		132,86	
+	Trong đó: Hộ đồng bào DTTS	Hộ	908		600	777	528	85,57		129,50	
-	Số hộ cận nghèo theo tiêu chí mới	Hộ	4.141		3.450	4.377	3.022	105,70		126,87	
+	Trong đó: Hộ đồng bào DTTS	Hộ	3.007		2.350	3.198	2.050	106,35		136,09	
3	Y tế										

Stt	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch tỉnh giao năm 2019	Kế hoạch huyện năm 2019	Uớc thực hiện năm 2019	Kế hoạch huyện năm 2020	So sánh %			Ghi chú
								UTH năm 2019/ TH năm 2018	UTH năm 2019/ KH tỉnh 2019	UTH năm 2019/ KH huyện 2019	
-	Tổng số giường bệnh	Giường	252	165	256	267	269	105,95	161,82	104,30	
	TĐ: Bệnh việc đa khoa	"	64	60	64	69	69	107,81	115,00	107,81	
+ Phòng khám khu vực		"	10	10	10			0,00	0,00	0,00	
+ Trạm y tế xã		"	95	95	95	95	95	100,00	100,00	100,00	
+ Trạm Cty Cao su Chư Prông		"	40		40	60	60	150,00		150,00	
+ Trạm Cty Cao su Bình Dương			10		10	10	10	100,00		100,00	
+ Phòng khám tư nhân		"	33		37	33	35	100,00		89,19	
-	Tỷ lệ bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	3,83		3,92	3,92	4,20	102,35		100,00	
-	Tỷ lệ giường bệnh/vạn dân	Giường	19,68		19,69	20,53	20,53	104,32		104,27	
-	Tổng số lượt khám, chữa bệnh	Lượt	103.713			110.010		106,07			
+ TĐ: Tuyến huyện		"	35.756			42.102		117,75			
Tuyến xã		"	67.957			66.908		98,46			
4 Bảo hiểm											
-	Tỷ lệ người tham gia BHYT	%	88,49	93,08	88,99	88,99	90,06				
-	Tỷ lệ người tham gia BHTN	%	7,22		8,68	8,18	11,05				
-	Tỷ lệ người tham gia BHXH	%	8,83		10,29	10,46	13,99				
5 Giáo dục			31.141	30.300	31.053	31.313	31.730	100,55	103,34	100,84	
-	Mẫu giáo	Cháu	5.853	5.600	6.378	6.146	6.100	105,01	109,75	96,36	
-	Tiêu học	Học sinh	14.669	14.200	14.279	14.338	14.750	97,74	100,97	100,41	
-	Trung học cơ sở	Học sinh	8.242	8.000	8.043	8.308	8.350	100,80	103,85	103,29	
+ TĐ: Học sinh dân tộc nội trú		Học sinh	261	300	258	256	260	98,08	85,33	99,22	
-	Trung học phổ thông	Học sinh	2.377	2.500	2.353	2.521	2.530	106,06	100,84	107,14	
-	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	24		29,5	30,7	47,5				
6 Văn hóa thông tin											
-	Tổng số giờ phát thanh	Giờ	18.220	18.220	18.220	18.220	18.240	100,00	100,00	100,00	
Trong đó: Truyền thanh xã		Giờ	14.680		14.680	14.576	14.590	99,29		99,29	
-	Tổng số giờ truyền hình	Giờ	17.552	17.552	17.552	17.560	17.580	100,05	100,05	100,05	

